| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRẢNG BÀNG**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 66/2019/DS-ST.
Ngày 25-11-2019
V/v tranh chấp đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Cao Hoài Hiêm;

Ông Lê Đình Nhung.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp đòi lại tài sản"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2019/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2019; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1945; có mặt.

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1962; có mặt.

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Đỗ Văn V, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị vắng mặt.

2/ Chị Võ Thị T, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị vắng mặt.

3/ Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp G, xã L, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Vào ngày 24-02-2011, ông cho bà Đoàn Thị H vay số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng. Việc vay tiền có làm giấy viết tay đề ngày 24-02-2011, do bà H tự viết và bà H có ký tên vào giấy vay tiền này. Giấy vay tiền được lập thành 01 bản, không có công chứng, chứng thực. Mục đích bà H vay tiền để cho con trai bà H là anh Đỗ Văn V xây nhà, do đó, anh V có ký tên vào giấy mượn tiền đề ngày 24-02-2011 này. Việc vay tiền không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả tiền. Ông đã giao đủ tiền 01 lần cho bà H và anh V tại nhà của ông.

Từ ngày vay tiền đến nay, bà H không trả cho ông số tiền gốc và tiền lãi nào. Tuy nhiên, vào khoảng năm 2015, sau khi bà H bán bò, bà H có đến gặp ông để trả cho ông số tiền 4.000.000 (Bốn triệu) đồng nhưng ông không đồng ý nhận vì bà H không trả đủ cho ông 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng. Ông thừa nhận việc ông có tham gia hụi do bà Nguyễn Thị S làm chủ thảo nhưng các phần hụi này đều do ông tự đóng hụi cho bà S hàng tháng, sau khi mãn hụi, ông là người trực tiếp nhận tiền hụi từ bà S. Ông không thừa nhận việc bà H đóng thay tiền hụi cho ông.

Nay ông khởi kiện yêu cầu bà H và anh V cùng có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 24-02-2011 (Dương lịch) đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Đoàn Thị H trình bày:*

Bà xác định bà chỉ vay của ông Đ số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng, bà không vay số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng như ông Đ trình bày. Cụ thể: Vào buổi sáng ngày 24-02-2011, bà có gặp ông Đ để vay số tiền 30.000.000 đồng nhưng ông Đ chỉ giao cho bà số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng và hẹn bà buổi chiều sẽ giao tiếp 10.000.000 (Mười triệu) đồng còn lại. Buổi tối cùng ngày, con trai của bà là anh Đỗ Văn V có đến nhà ông Đ để nhận thêm số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng và anh V có ký tên vào giấy mượn tiền đề ngày 24-02-2011. Sau khi nhận tiền, anh V đã giao lại cho bà số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng này. Bà thừa nhận có ký tên vào Giấy mượn tiền đề ngày 24-02-2011 nhưng giấy mượn tiền này do ông Đ viết sẵn, bà tin tưởng nên không đọc nội dung mà ký tên vào. Bà sử dụng tiền vay của ông Đ vào mục đích cá nhân, không liên quan đến anh V vì anh V đã có gia đình riêng và sống khác hộ với bà, kinh tế độc lập với bà.

Việc vay tiền có thỏa thuận lãi suất là 4%/tháng, trả lãi hàng tháng, chỉ thỏa thuận bằng lời nói mà không ghi vào giấy mượn tiền. Cụ thể mỗi tháng bà phải trả lãi cho ông Đ số tiền 1.200.000 (Một triệu hai trăm nghìn) đồng. Tuy nhiên, ông Đ không

trực tiếp nhận tiền lãi của bà mà giao cho bà đóng hai phần hụi của 02 dây hụi mà ông Đ tham gia do bà Nguyễn Thị S làm chủ thảo, cụ thể:

+ Dây hụi thứ nhất mở ngày 05-9-2010, gồm 26 phần, ông Đ tham gia 01 phần, ông Đ đóng 06 tháng đầu, kể từ ngày 24-02-2011 thì do bà đóng đến mãn hụi vào ngày 05-10-2012.

+ Dây hụi thứ hai mở ngày 05-10-2010, gồm 26 phần, ông Đ tham gia 01 phần, bà bắt đầu đóng từ 24-02-2011 đến khi mãn hụi là ngày 05-11-2012.

Cả hai phần hụi đều là hụi sống. Bà đã trả lãi bằng cách đóng hụi thay cho ông Đ được 19 tháng, mỗi tháng 1.200.000 đồng, tổng cộng bà đã trả cho ông Đ 22.800.000 (Hai mươi hai triệu tám trăm nghìn) đồng tiền lãi. Sau khi mãn hụi, ông Đ là người trực tiếp nhận tiền hụi từ bà S. Chứng cứ chứng minh việc bà đóng hụi thay ông Đ là hai giấy đăng hụi của bà S, bà đã nộp cho Tòa án.

Từ sau khi mãn hụi, ông Đ yêu cầu bà trả góp cho ông Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng tiền gốc. Bà đã trả được 25 tháng (từ tháng 11-2012 đến tháng 12-2014), tổng cộng bà đã trả cho ông Đ 25.000.000 đồng tiền nợ gốc. Việc thỏa thuận trả góp tiền gốc chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không làm giấy tờ. Sau khi trả được 25 tháng, ông Đ yêu cầu bà mỗi tháng trả cho ông Đ 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng để ông Đ lo việc ăn sáng nhưng bà không đồng ý. Ngày 25-01-2015, sau khi bán bò, bà có đến gặp ông Đ để trả số tiền 5.000.000 đồng còn lại để lấy lại giấy nợ nhưng ông Đ không nhận vì ông Đ cho rằng bà vay của ông Đ 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng. Đối với số tiền bà đóng hụi thay ông Đ là tiền lãi, bà không có yêu cầu Tòa tính lại. Nay bà không đồng ý trả số tiền 40.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- *Anh Đỗ Văn V trình bày*: Anh là con ruột của bà H. Vào ngày 24-02-2011, bà H có vay của ông Đ số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng, cụ thể như sau: Vào buổi sáng ngày 24-02-2011, bà H hỏi vay số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng nhưng ông Đ chỉ giao cho bà H số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng. Buổi tối cùng ngày, anh có đến gặp ông Đ để nhận thêm số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng. Sau khi nhận tiền, anh đã giao lại cho bà H số tiền này. Anh thừa nhận có ký tên vào giấy mượn tiền đề ngày 24-02-2011 nhưng anh không biết giấy mượn tiền này do ai viết và khi ký tên anh cũng không đọc nội dung giấy vay tiền vì bà H đã ký tên vào giấy mượn tiền này trước đó. Anh xác định anh không sử dụng số tiền nào trong tổng số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng mà bà H đã vay của ông Đ. Anh ký tên vào giấy mượn tiền vì ông Đ yêu cầu bà H và anh phải cùng ký tên để làm tin do bà H chỉ sống một mình. Anh không nhờ bà H vay tiền của ông Đ để xây nhà như ông Đ trình bày vì vợ chồng anh đã xây nhà ra ở riêng, không sống cùng bà H từ năm 2010 đến

nay, kinh tế của vợ chồng anh độc lập với kinh tế của bà H. Anh không đồng ý cùng bà H trả số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng và tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

- *Chị Võ Thị T trình bày*: Chị là vợ của anh V. Việc bà H và ông Đ vay tiền như thế nào chị không biết. Việc anh V có nhận tiền của ông Đ hay không chị cũng không biết. Vợ chồng chị đã ra ở riêng từ năm 2010 đến nay, kinh tế độc lập với bà H. Chị không sử dụng số tiền nào của ông Đ, không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của ông Đ.

- *Bà Nguyễn Thị S trình bày:* Vào khoảng năm 2010, ông Đ có tham gia 02 dây hụi, mỗi dây 1.000.000 đồng/tháng do bà làm chủ thảo hụi, một dây mở tháng 9-2010 và 01 dây mở tháng 10-2010. Mỗi dây hụi gồm 26 phần, ông Đ tham gia mỗi dây 01 phần. Ông Đ đóng hụi được 04 tháng đầu, sau đó hàng tháng bà H là người trực tiếp đóng hụi thay ông Đ đến khi mãn hụi. Khi mãn hụi, ông Đ là người trực tiếp nhận tiền hụi và bà có giao giấy đăng hụi cho ông Đ và bà H giữ. Bà chỉ nghe bà H nói do bà H có vay tiền ông Đ nên bà H đóng hụi thay ông Đ. Bà không biết việc vay tiền giữa bà H và ông Đ cụ thể bao nhiêu tiền và bà cũng không biết số tiền bà H đóng hụi thay ông Đ hàng tháng là tiền lãi hay tiền nợ gốc.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463, khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự xem xét quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ đối với bà Đoàn Thị H và anh Đỗ Văn V.

Buộc bà Đoàn Thị H và anh Đỗ Văn V có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng. Cụ thể, bà H phải trả cho ông Đ 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng, anh V phải trả cho ông Đ 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất vay của ông Nguyễn Văn Đ đối với bà Đoàn Thị H và anh Đỗ Văn V.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đỗ Văn V, chị Võ Thị T và bà Nguyễn Thị S cùng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu bà Đoàn Thị H và anh Đỗ Văn V cùng có nghĩa vụ trả cho ông Đ số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng, theo Giấy mượn tiền đề ngày 24-02-2011, có chữ ký của bà H và anh V. Bà H, anh V thừa nhận có ký tên vào Giấy mượn tiền đề ngày 24-02-2011 mà ông Đ đã cung cấp. Vì vậy, việc vay tiền giữa ông Đ, bà H và anh V là có thật.

[2.1] Bà H cho rằng bà không vay số tiền 40.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền đề ngày 24-02-2011, bà chỉ vay của ông Đ số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng và bà đã trả cho ông Đ tổng cộng 25.000.000 đồng tiền nợ gốc. Tuy nhiên, ông Đ không thừa nhận, bà H cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh lời trình bày của bà là có căn cứ. Mặt khác, bà H, anh V không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà H, anh V trong Giấy mượn tiền đề ngày 24-02-2011. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày của bà H về số tiền vay và việc đã trả nợ gốc cho ông Đ.

Đối với yêu cầu của ông Đ về việc yêu cầu anh V có nghĩa vụ cùng bà H trả tiền cho ông Đ, xét thấy: Anh V thừa nhận có nhận của ông Đ số tiền 10.000.000 đồng và anh có ký tên vào Giấy mượn tiền đề ngày 24-02-2011. Anh V cho rằng anh không vay tiền của ông Đ, anh chỉ ký tên vào Giấy mượn tiền với tư cách là người làm chứng, tạo lòng tin để ông Đ cho bà H vay tiền và sau khi nhận tiền anh đã giao lại số tiền này cho bà H, nhưng anh không cung cấp được chứng cứ chứng minh lời trình bày của anh là có căn cứ. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, buộc anh V cùng bà H có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đ số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng.

Ghi nhận ông Đ không yêu cầu vợ anh V là chị Võ Thị T cùng có nghĩa vụ trả nợ.

[2.2] Xét lời trình bày của bà H về việc thỏa thuận lãi suất: Bà H cho rằng việc vay tiền có thỏa thuận lãi suất là 4%/tháng, bà trả lãi cho ông Đ bằng cách thay ông Đ đóng hụi cho bà Nguyễn Thị S, cụ thể ông Đ đã đóng hụi được 06 tháng thì bà bắt đầu đóng hụi thay ông Đ đến mãn hụi. Lời khai của bà S trong quá trình giải quyết vụ án xác nhận việc bà H có đóng hụi thay ông Đ, cụ thể ông Đ đóng hụi cho bà được

04 tháng thì bà H đóng hụi thay ông Đ đến mãn hụi. Như vậy, lời trình bày của bà H và bà S là có mâu thuẫn, không thống nhất với nhau. Ông Đ không thừa nhận việc thỏa thuận lãi suất và việc bà H có đóng hụi thay cho ông Đ. Tòa án đã mở phiên đối chất giữa ông Đ, bà H và bà S, nhưng bà S vắng mặt nên không đối chất được về việc bà H có đóng hụi thay cho ông Đ hay không. Bà H không chứng minh được lời trình bày của bà là có căn cứ. Mặt khác, bà H không tranh chấp về số tiền lãi mà bà cho rằng đã trả cho ông Đ bằng cách thay ông Đ đóng hụi cho bà S nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Xét yêu cầu của ông Đ yêu cầu bà H, anh V trả tiền lãi kể từ ngày vay tiền đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm: Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 24-02-2011, nội dung không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Vì vậy, có căn cứ xác định đây là hợp đồng vay tài sản không lãi suất, không thời hạn. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Đ trình bày ông đã thông báo và yêu cầu bà H trả nợ nhiều lần, lần cuối là vào đầu năm 2019 nhưng bà H không thừa nhận, bà H chỉ thừa nhận ông Đ đòi bà trả tiền lần cuối vào năm 2015, ông Đ không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của ông. Do đó, có cơ sở xác định lần cuối ông Đ yêu cầu bà H trả tiền là năm 2015. Ông Đ khởi kiện vào ngày 13-6-2019 nên thời hiệu khởi kiện đã hết theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là đòi lại tài sản, buộc bà H, anh V liên đới trả cho ông Đ số tiền nợ gốc là 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng, không chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông Đ là phù hợp với Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Từ những phân tích trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, buộc bà H và anh V có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đ số tiền 40.000.000 đồng, trong đó bà H có nghĩa vụ trả cho ông Đ 30.000.000 đồng, anh V có nghĩa vụ trả cho ông Đ 10.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi của ông Đ là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[5] Án phí:

Ông Đ phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu tính lãi suất không được Hội đồng xét xử được chấp nhận. Tuy nhiên, ông Đ là người cao tuổi, thuộc trường hợp miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bà H, anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về tranh chấp đòi lại tài sản đối với bà Đoàn Thị H và anh Đỗ Văn V.

2. Buộc bà Đoàn Thị H và anh Đỗ Văn V có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng (Trong đó, bà H có nghĩa vụ trả cho ông Đ 30.000.000 đồng, anh V có nghĩa vụ trả cho ông Đ 10.000.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu bà Đoàn Thị H và anh Đỗ Văn V trả tiền lãi.

4. Án phí:

Ông Nguyễn Văn Đ được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đoàn Thị H phải chịu 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đỗ Văn V phải chịu 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Ông Nguyễn Văn Đ, bà Đoàn Thị H có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Văn V, chị Võ Thị T và bà Nguyễn Thị S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

**Nguyễn Thị Minh Thư**